



TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2017

Phiếu 3Ym/TĐTKT-YT

CQ Thống kê ghi

Cơ sở số:

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN ĐIỀU TRA MẪU VỀ CƠ SỞ Y TẾ (Áp dụng cho các cơ sở y tế thuộc danh sách điều tra mẫu thu chi)

Thực hiện Quyết định số 1672/QĐ-TTg, ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2017

- Nghĩa vụ cung cấp thông tin được quy định theo Luật Thống kê;
- Các thông tin cung cấp theo phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Luật định.

Nguyên tắc điền phiếu:

- Không ghi thông tin vào các ô có dấu (x);
- Đối với những câu hỏi/mục lựa chọn, khoanh tròn vào mã số tương ứng câu trả lời thích hợp;
- Đối với những câu hỏi/mục ghi thông tin, số liệu, ghi vào đúng ô hoặc bảng tương ứng.

CQ Thống kê ghi

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương.....

Huyện/Quận (Thị xã/TP thuộc tỉnh).....

Xã/Phường/Thị trấn.....

| | | | | |
|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| <input type="text"/> | <input type="text"/> | | | |
| <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> | | |
| <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> |

1. Tên cơ sở:

(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)

Tên giao dịch (nếu có)

2. Địa chỉ của cơ sở:

Số nhà, đường phố, thôn ấp, bản.....

Số điện thoại:

| | | | |
|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|

| | | | | | | | | | |
|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|

Số fax:

| | | | |
|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|

| | | | | | | | | | |
|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|

Email:

Họ và tên người trả lời phiếu:

Số điện thoại liên hệ:

MỤC A. ĐẶC ĐIỂM CỦA CƠ SỞ

A1. Thông tin về người đứng đầu cơ sở

- Họ và tên (viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)

- Giới tính:

1 Nam 2 Nữ

Năm sinh

| | | | |
|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|

CQ Thống kê ghi

- Dân tộc (Nếu là người nước ngoài ghi dân tộc là "Nước ngoài")

| | |
|----------------------|----------------------|
| <input type="text"/> | <input type="text"/> |
|----------------------|----------------------|

- Quốc tịch (Nếu có hai quốc tịch trở lên, ghi quốc tịch thường dùng nhất)

| | |
|----------------------|----------------------|
| <input type="text"/> | <input type="text"/> |
|----------------------|----------------------|

- Trình độ chuyên môn được đào tạo (Theo bằng/giấy chứng nhận trình độ cao nhất hiện có)

- | | | |
|-------------------------|--------------|------------------|
| 1. Chưa qua đào tạo | 4. Trung cấp | 7. Thạc sỹ |
| 2. Đào tạo dưới 3 tháng | 5. Cao đẳng | 8. Tiến sỹ |
| 3. Sơ cấp | 6. Đại học | 9. Trình độ khác |

| | | |
|--|----|--|
| Phân theo trình độ chuyên môn đào tạo | | |
| 1. Chưa qua đào tạo | 12 | |
| 2. Đào tạo dưới 3 tháng | 13 | |
| 3. Sơ cấp | 14 | |
| 4. Trung cấp | 15 | |
| 5. Cao đẳng | 16 | |
| 6. Đại học | 17 | |
| 7. Thạc sỹ | 18 | |
| 8. Tiến sỹ | 19 | |
| 9. Trình độ khác | 20 | |
| Phân theo lao động chuyên ngành | | |
| 1. Tiến sĩ y khoa | 21 | |
| 2. Tiến sĩ dược | 22 | |
| 3. Thạc sỹ y khoa | 23 | |
| 4. Thạc sỹ dược | 24 | |
| 5. Chuyên khoa I, II y khoa | 25 | |
| 6. Chuyên khoa I, II dược | 26 | |
| 7. Bác sỹ | 27 | |
| 8. Dược sỹ đại học | 28 | |
| 9. Cử nhân y tế công cộng | 29 | |
| 10. Y sỹ | 30 | |
| 11. Dược tá | 31 | |
| 12. Dược sỹ trung cấp | 32 | |
| 13. Điều dưỡng | 33 | |
| 14. Kỹ thuật viên y | 34 | |
| 15. Kỹ thuật viên dược | 35 | |
| 16. Hộ sinh | 36 | |
| 17. Lương y | 37 | |
| 18. Trình độ khác | 38 | |

MỤC C. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

| | Mã số | Thời điểm 31/12/2016 | Thời điểm 01/01/2016 |
|---------------------------------------|-----------|----------------------|----------------------|
| C1. Nguyên giá tài sản cố định | 01 | | |
| 1. Nhà, vật kiến trúc | 02 | | |
| 2. Máy móc, thiết bị | 03 | | |
| 3. Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 04 | | |
| 4. TSCĐ khác | 05 | | |
| C2. Giá trị khấu hao trong năm | 06 | | x |
| 1. Nhà, vật kiến trúc | 07 | | x |
| 2. Máy móc, thiết bị | 08 | | x |
| 3. Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 09 | | x |
| 4. TSCĐ khác | 10 | | x |
| C3. Giá trị khấu hao lũy kế | 11 | | |

MỤC D. THU, CHI VÀ QUỸ LƯƠNG NĂM 2016

Đơn vị tính: Triệu đồng

| | Mã số | Giá trị |
|--|--------------|----------------|
| D1. Tổng thu (01=02+03+04+05) | 01 | |
| Chia ra | | |
| 1. Ngân sách Nhà nước cấp | 02 | |
| 2. Thu từ hoạt động của cơ sở | 03 | |
| 3. Thu từ ủng hộ và viện trợ của cá nhân, tổ chức trong ngoài nước | 04 | |
| 4. Các khoản thu khác | 05 | |
| D*. Thu từ phí, lệ phí, dịch vụ theo yêu cầu trong tổng thu | 06 | |
| <i>Trong đó:</i> Đơn vị được để lại sử dụng trong năm | 07 | |
| D2. Tổng chi (08=10+29+30) | 08 | |
| <i>Trong đó:</i> Chi từ nguồn ngân sách Nhà nước | 09 | |
| 1. Chi hoạt động (10= 12+.....+28) | 10 | |
| <i>Trong đó:</i> Chi từ nguồn ngân sách Nhà nước | 11 | |
| + Tiền lương, tiền công, phụ cấp tiền lương, tiền thưởng | 12 | |
| + Các khoản thanh toán khác cho cá nhân | 13 | |
| + Thù lao lao động thuê ngoài | 14 | |
| + Chi học bổng học sinh, sinh viên (không kể học phí cán bộ đi học) | 15 | |
| + Các khoản đóng góp | 16 | |
| + Thanh toán dịch vụ công cộng | 17 | |
| + Vật tư văn phòng | 18 | |
| + Thông tin tuyên truyền, liên lạc | 19 | |
| + Hội nghị | 20 | |
| + Công tác phí | 21 | |
| + Chi đoàn ra nước ngoài, tiếp khách quốc tế | 22 | |
| + Chi nghiệp vụ chuyên môn | 23 | |
| + Trả tiền thuê cơ sở vật chất | 24 | |
| + Trả tiền lãi vay | 25 | |
| + Chi xây dựng nhỏ và sửa chữa thường xuyên TSCĐ | 26 | |
| + Chi nộp phí và thuế các loại | 27 | |
| + Chi khác | 28 | |
| 2. Chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm và sửa chữa lớn TSCĐ | 29 | |
| 3. Các khoản chi khác | 30 | |
| D3. Trích lập các quỹ | 31 | |
| 1. Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp | 32 | |
| 2. Quỹ dự phòng ổn định thu nhập | 33 | |
| 3. Quỹ khen thưởng và phúc lợi | 34 | |
| D4. Tổng thu nhập tăng thêm | 35 | |
| D5. Tổng quỹ lương (36=37+38+39+40) | 36 | |
| 1. Quỹ lương của lao động thuộc biên chế hành chính, sự nghiệp <i>(theo ngạch bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp theo lương)</i> | 37 | |
| 2. Quỹ lương của lao động hợp đồng <i>(theo NĐ số 68/2000/NĐ-CP)</i> | 38 | |
| 3. Quỹ lương của lao động hợp đồng dài hạn | 39 | |
| 4. Quỹ lương của lao động hợp đồng khác | 40 | |
| D6. Thu nhập bình quân người lao động/tháng | 41 | |
| <i>Trong đó: Tiền lương</i> | 42 | |
| D7. Góp vốn hoạt động liên doanh, liên kết | 43 | |
| D7.1. Lãi thu được từ hoạt động liên doanh, liên kết | 44 | |

MỤC E. SỬ DỤNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET

E1. Cơ sở có sử dụng máy tính phục vụ cho công việc không

(Bao gồm máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng)?

1 Có

2 Không

→ Chuyển câu E3

E2. Tỷ lệ lao động thường xuyên sử dụng máy tính cho công việc?

 %

E3. Cơ sở có sử dụng Internet hoặc mạng máy tính khác cho công việc không

(qua máy tính, điện thoại)?

1 Có

2 Không

→ Chuyển câu E5

E4. Tỷ lệ lao động thường xuyên sử dụng Internet hoặc mạng máy tính khác trong công việc (ít nhất 1 lần/tuần)

 %

E5. Cơ sở có cổng thông tin/trang thông tin điện tử riêng không?

1 Có

2 Không

Nếu có, ghi địa chỉ truy cập:

E6. Cơ sở có sử dụng Internet và mạng máy tính khác để thực hiện những công việc nào dưới đây?

(Khoanh vào các lựa chọn thích hợp)

1. Điều hành tác nghiệp
2. Gửi và nhận email
3. Tìm kiếm thông tin
4. Học tập, nghiên cứu (trao đổi thông tin, tải tài liệu, học online)
5. Giao dịch với cơ quan, tổ chức khác (Ngân hàng, Thuế, Hải quan...)
6. Hoạt động tài chính (Internet banking...)
7. Cung cấp dịch vụ trực tuyến
8. Mục đích khác (ghi rõ)

MỤC F. HOẠT ĐỘNG KHÁM CHỮA BỆNH

F1. Số khoa, phòng khám bệnh, giường bệnh của cơ sở có tại thời điểm 31/12/2016

1. Số phòng/ban chức năng

 Phòng

2. Số khoa cận lâm sàng

 Khoa

3. Số khoa lâm sàng

 Khoa

4. Số giường bệnh thực tế

 Giường

5. Số giường bệnh theo kế hoạch

 Giường

F2. Số lượt người được khám, chữa bệnh trong năm 2016

1. Số lượt người được khám bệnh (kể cả chỉ xét nghiệm hoặc chẩn đoán hình ảnh ...)

 Lượt người

2. Số lượt bệnh nhân được nằm điều trị nội trú

 Lượt người

.....Ngàytháng.....năm 2017

Người trả lời phiếu

Điều tra viên

Người đứng đầu cơ sở

(Ký, ghi rõ họ tên)

- Họ và tên:.....

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

- Điện thoại:.....

- Ký tên:.....

GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN GHI MỘT SỐ CHỈ TIÊU

Đối tượng thực hiện phiếu này là các cơ sở hoạt động Y tế công lập (*Do Nhà nước thành lập, kinh phí hoạt động do Ngân sách Nhà nước cấp là chủ yếu*) và ngoài công lập (*do tư nhân thành lập, tự lo vốn và kinh phí hoạt động, lấy thu bù chi và không hoạt động theo Luật Doanh nghiệp*) thuộc danh sách điều tra mẫu thu chi, loại trừ các cơ sở hoạt động chăm sóc, điều dưỡng tập trung và không tập trung.

A4. Loại cơ sở: khoanh tròn vào một trong các loại sau:

1. *Cơ sở sự nghiệp ngoài công lập:* Là cơ sở do các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, cá nhân, nhóm cá nhân hoặc cộng đồng dân cư thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, tự bảo đảm kinh phí hoạt động bằng vốn ngoài ngân sách nhà nước và hoạt động theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, có con dấu và tài khoản riêng.

Cơ sở ngoài công lập được thành lập theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước nhằm phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, khoa học - công nghệ, môi trường, xã hội, dân số, gia đình, bảo vệ chăm sóc trẻ em.

2. *Cơ sở sự nghiệp công lập:* Gồm các đơn vị sự nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập, có tư cách pháp nhân, có tài khoản, con dấu riêng, thực hiện chức năng phục vụ quản lý nhà nước hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ công trong các ngành, lĩnh vực theo qui định của pháp luật đối với các đơn vị sự nghiệp nói chung.

Theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ qui định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, căn cứ vào loại hình cơ sở đơn vị khoanh vào một trong các loại hình cơ sở sau:

1. *Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên và đầu tư vận dụng cơ chế như DN hoặc đề án thí điểm tự chủ;*

2. *Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ hoạt động chi thường xuyên và chi đầu tư;*

3. *Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên;*

4. *Đơn vị tự bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên;*

5. *Đơn vị do NSNN đảm bảo toàn bộ chi hoạt động thường xuyên.*

Lưu ý: trường hợp là đơn vị sự nghiệp theo Nghị định 43/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ (chưa chuyển đổi theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ) thì khoanh vào loại hình cơ sở thứ 6 là đơn vị tự chủ theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ.

Mục C. Tài sản cố định

Tài sản cố định bao gồm tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình, được xác định theo Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính (áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước) và Thông tư 140/2007/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập).

C1. Nguyên giá TSCĐ: Ghi nguyên giá TSCĐ của đơn vị tại thời điểm cuối năm (31/12/2016) và thời điểm đầu năm (1/1/2016).

Chia ra các loại tài sản:

+ *Nhà, vật kiến trúc:* Bao gồm các công trình XD/CB như nhà làm việc, nhà kho, nhà trẻ, nhà xưởng, phòng học, nhà khám bệnh, vật kiến trúc, hàng rào, bể, tháp nước, sân bãi, các công trình trang trí thiết kế cho nhà cửa, các công trình cơ sở hạ tầng của cơ sở.

+ *Máy móc thiết bị:* Các loại máy móc, thiết bị dùng trong công tác chuyên môn, bao gồm những máy móc chuyên dùng, máy móc, thiết bị công tác, dây chuyền công nghệ, máy đơn lẻ.

+ *Phương tiện vận tải, truyền dẫn:* gồm phương tiện vận tải đường bộ, đường thủy, đường sông, và các thiết bị truyền dẫn (thông tin, điện nước, băng chuyền tải vật tư, hàng hoá).

+ *Tài sản cố định khác:* Bao gồm các tài sản cố định hữu hình còn lại như thiết bị, dụng cụ quản lý, tài sản cố định hữu hình khác và tài sản cố định vô hình.

C2. Giá trị khấu hao/hao mòn TSCĐ trong năm: Là số trích khấu hao/hao mòn tài sản cố định trong năm 2016 và được chi tiết theo 4 nhóm tài sản như trên.

C3. Giá trị hao mòn lũy kế: Là tổng số tiền đã trích khấu hao/hao mòn các loại tài sản cố định vào chi hoạt động của đơn vị tính đến thời điểm 31/12/2016.

Thực hiện các Thông tư trên, các tài sản cố định đã tính hao mòn đủ nhưng vẫn còn sử dụng được; Các tài sản cố định chưa tính hết hao mòn nhưng đã hỏng không tiếp tục sử dụng được đều không phải tính hao mòn.

Mục D. Thu, chi và quỹ lương năm 2016

D1. Tổng thu: Là toàn bộ số tiền thu được về hoạt động của đơn vị trong năm điều tra bằng tổng các khoản thu: Thu từ ngân sách nhà nước; từ hoạt động của cơ sở; ủng hộ và viện trợ của cá nhân, tổ chức trong ngoài nước và các khoản thu khác, bao gồm cả phần kết chuyển của năm trước còn lại chuyển sang năm 2016.

+ *Thu từ ngân sách Nhà nước*: Phản ánh toàn bộ số kinh phí do ngân sách nhà nước cấp cho cơ sở, bao gồm cả ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (hoặc cấp trên cấp), kể cả kinh phí hạn mức và ngoài hạn mức.

+ *Thu từ hoạt động của cơ sở*: Là các khoản thu do hoạt động của cơ sở mang lại trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học, văn hóa, thể thao và giải trí...

+ *Thu từ ủng hộ và viện trợ của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước*: Phản ánh các khoản thu từ nguồn ủng hộ và tài trợ, viện trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân... trong và ngoài nước, bao gồm số thu bằng tiền và hiện vật (qui ra tiền) (bao gồm cả nguồn viện trợ từ dự án ODA).

+ *Các khoản thu khác*: Gồm các khoản thu ngoài các khoản thu trên như: Lệ phí thi, thu từ hoạt động dịch vụ ăn uống, giải khát, trông giữ xe, tiền bán sản phẩm của học sinh học nghề làm ra...

Ghi chú: Để xác định mối quan hệ cân đối thu - chi của phiếu điều tra, thống nhất bao gồm thu thực tế và phần kết chuyển, phần kết chuyển phải căn cứ vào nguồn thu năm trước chưa sử dụng tới để ghi cho phù hợp, nếu kết chuyển được xác định từ ngân sách nhà nước cấp thì ghi vào mục 1 (Ngân sách nhà nước cấp), nếu nguồn kết chuyển là thu từ hoạt động của đơn vị thì ghi vào mục 2 (Thu từ hoạt động chính của đơn vị)...

D*. Thu từ phí, lệ phí, dịch vụ theo yêu cầu: Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị được Nhà nước cho phép thu các khoản phí, lệ phí như lệ phí chứng minh thư, lệ phí cấp giấy phép, án phí, lệ phí công chứng, các khoản thu về khám chữa bệnh theo yêu cầu...

D2. Tổng chi: Là toàn bộ các khoản chi của đơn vị, trong đó cần tách riêng khoản Chi từ nguồn ngân sách nhà nước. Tổng chi được chi tiết thành:

1. Chi hoạt động: Gồm các khoản chi đảm bảo hoạt động thường kỳ tại cơ sở từ tất cả các nguồn thu kể trên, trong đó cần tách riêng Chi từ nguồn ngân sách nhà nước.

Chi cho hoạt động của cơ sở được chi tiết theo từng nội dung sau:

+ *Tiền lương, tiền công, phụ cấp, tiền thưởng*: Gồm lương ngạch, bậc theo quỹ lương được phê duyệt, lương tập sự, công chức dự bị, lương hợp đồng dài hạn, lương cán bộ nhân viên dôi ra ngoài biên chế, tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thu hút, phụ cấp khu vực, phụ cấp đất đỏ, phụ cấp thêm giờ, phụ cấp làm đêm, thưởng thường xuyên theo định mức, thưởng đột xuất theo định mức, các chi phí khác theo chế độ liên quan đến công tác khen thưởng, các khoản chi khác liên quan đến tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, tiền thưởng;

+ *Các khoản thanh toán khác cho cá nhân gồm*: Tiền ăn, chi khám chữa bệnh cho cán bộ, công chức Việt Nam làm việc ở nước ngoài, chi chênh lệch thu nhập thực tế so với lương ngạch bậc, chức vụ, sinh hoạt phí cho cán bộ, công chức Việt Nam làm việc ở nước ngoài, trợ cấp, phụ cấp khác và các khoản đóng góp theo qui định;

+ *Trả thù lao lao động thuê ngoài*: Là số tiền thuê chuyên gia và giảng viên nước ngoài; thuê chuyên gia và giảng viên trong nước; thuê đào tạo lại cán bộ; thuê phiên dịch, biên dịch; chi phí thuê mướn khác;

+ *Chi học bổng học sinh, sinh viên* không bao gồm học phí của cán bộ đi học: Bao gồm học bổng học sinh trường năng khiếu, học sinh dân tộc nội trú, học sinh các trường phổ thông, đào tạo khác trong nước và các khoản chi khác liên quan đến học bổng...;

+ *Chi các khoản đóng góp*: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn và các khoản đóng góp khác;

+ *Thanh toán dịch vụ công cộng*: Thanh toán tiền điện; thanh toán tiền nước; tiền nhiên liệu; thanh toán khoán phương tiện theo chế độ; thanh toán tiền vệ sinh, môi trường....

+ *Vật tư, văn phòng*: văn phòng phẩm, khoán văn phòng phẩm; mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng, vật tư văn phòng khác;

+ *Thông tin, tuyên truyền, liên lạc*: Cước phí điện thoại trong nước; cước phí điện thoại quốc tế; cước phí bưu chính; chi tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong cơ quan, đơn vị theo chế độ, tuyên truyền, quảng cáo, phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện, thuê bao cáp truyền hình, cước phí internet....

+ *Hội nghị*: In, mua tài liệu, bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên, tiền vé máy bay, tàu xe; tiền thuê phòng ngủ; thuê hội trường; phương tiện vận chuyển; chi phí khác; các khoản thuê mướn khác phục vụ hội nghị, chi bù tiền ăn; thuê phiên dịch, biên dịch phục vụ hội nghị.

+ *Công tác phí*: Tiền vé máy bay, tàu xe; phụ cấp công tác phí; tiền thuê phòng ngủ; khoán công tác phí; chi khác.

+ *Chi đoàn ra nước ngoài, tiếp khách quốc tế*: Tiền vé máy bay, tàu xe; tiền ăn; tiền ở; tiền tiêu vật; phí, lệ phí liên quan; khoán chi đoàn ra nước ngoài, tiếp khách quốc tế theo chế độ; chi khác.

+ *Chi nghiệp vụ chuyên môn*: Chi mua hàng hóa, vật tư dùng cho chuyên môn của từng ngành; trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng (không phải là tài sản cố định); chi mua, in ấn, phô tô tài liệu chỉ dùng cho chuyên môn của đơn vị; đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động, sách, tài liệu, chế độ dùng cho công tác chuyên môn của đơn vị (không phải là tài sản cố định).

+ *Trả tiền thuê cơ sở vật chất*: Thuê thiết bị các loại; thuê nhà; thuê đất; thuê phương tiện vận chuyển...;

+ *Trả tiền lãi vay*: Là số tiền đơn vị chi ra để trả lãi về tiền vay để đầu tư của đơn vị như đầu tư mua sắm trang thiết bị, vay để xây dựng các công trình của đơn vị bao gồm cả khoản trả lãi tiền vay ngân hàng và vay từ các tổ chức tập thể, cá nhân.

+ *Chi xây dựng nhỏ và sửa chữa thường xuyên TSCĐ*: Là khoản chi phí để xây dựng các công trình phụ trợ không thuộc vốn đầu tư xây dựng cơ bản của đơn vị như chi xây tường bao quanh làm nhà để xe. Sửa chữa thường

xuyên TSCĐ là số tiền chi ra sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên;

+ *Chi nộp thuế và phí các loại*: Bao gồm các khoản tiền nộp các loại thuế như thuế nhà đất (nếu có) và các loại phí trong quá trình hoạt động.

+ *Chi khác*: Bao gồm những khoản chi của đơn vị nhưng chưa được ghi vào các mục trên như; Chi các ngày Lễ, Tết, chi kỷ niệm ngày thành lập ngành/đơn vị, trợ cấp khó khăn cho cán bộ, nhân viên của đơn vị; chi phí cho lễ khai giảng, bế giảng...

2. Chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm và sửa chữa lớn TSCĐ: Phản ánh số tiền đơn vị chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi mua sắm tài sản và sửa chữa lớn TSCĐ trong năm (làm tăng TSCĐ) từ nguồn ngân sách cấp, nguồn đóng góp để xây dựng, từ nguồn tích lũy của đơn vị và các nguồn khác.

3. Các khoản chi khác: Là các khoản chi còn lại của cơ sở không thuộc các mục chi đã kể trên.

D3. Trích lập các quỹ: Là phần chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) của đơn vị sau khi trang trải các khoản chi phí nộp thuế và các khoản nộp khác theo quy định, đơn vị được sử dụng để trích lập các quỹ (quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ dự phòng ổn định thu nhập, quỹ khen thưởng và phúc lợi)

D4. Tổng thu nhập tăng thêm: Là tổng số tiền của đơn vị được sử dụng để chi bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức và người lao động trong năm 2016.

D5. Tổng quỹ lương: Là số tiền mà cơ sở trả cho người lao động trong năm 2016.

D6. Thu nhập bình quân người lao động/tháng

Mức thu nhập bình quân người lao động một tháng được tính bằng tổng số tiền phải trả cho người lao động chia cho (:) số lao động bình quân trong năm và chia cho (:) Số tháng hoạt động.

Mục E. Sử dụng máy tính và Internet

E1. Cơ sở có sử dụng máy tính phục vụ cho công việc không (bao gồm máy tính để bàn, máy xách tay, máy tính bảng): Nếu Có thì trả lời các nội dung tiếp theo; Nếu Không thì chuyển câu E3.

E2. Tỷ lệ lao động thường xuyên sử dụng máy vi tính cho công việc: tính bằng cách lấy số lao động của cơ sở thường xuyên sử dụng máy tính cho công việc chia cho tổng số lao động hiện có của cơ sở.

E3. Kết nối mạng Internet và mạng máy tính khác: kết nối mạng Internet là kết nối với mạng máy tính toàn cầu Internet. Mạng máy tính khác là các mạng kết nối nội bộ như mạng WAN, mạng LAN... Nếu Có, trả lời các nội dung tiếp theo, nếu Không thì chuyển câu E5.

E4. Tỷ lệ lao động thường xuyên sử dụng Internet hoặc mạng máy tính cho công việc: Được tính bằng cách lấy tổng số người lao động sử dụng Internet hoặc mạng máy tính ít nhất 1 lần/1tuần chia cho tổng số lao động hiện có của cơ sở.

E5. Cổng thông tin/trang thông tin điện tử riêng:

Cổng thông tin điện tử: là điểm truy cập duy nhất của cơ quan trên môi trường mạng, liên kết, tích hợp các kênh thông tin, các dịch vụ và các ứng dụng mà qua đó người dùng có thể khai thác, sử dụng và cá nhân hóa việc hiển thị thông tin.

Trang tin thông tin điện tử: là trang thông tin hoặc một tập hợp thông tin trên môi trường mạng phục vụ cho việc cung cấp, trao đổi thông tin.

Đề nghị trả lời 1 (có) hoặc 2 (Không) vào các ô thích hợp. Nếu trả lời là “có”, đề nghị ghi địa chỉ truy cập của cơ sở.

E6. Cơ sở có sử dụng internet và mạng máy tính khác để thực hiện các công việc sau không: đề nghị lựa chọn một hoặc nhiều mục đích sử dụng thích hợp.

Mục F. Hoạt động sự nghiệp y tế

F1. Số khoa, phòng khám bệnh, phòng bệnh, giường bệnh của cơ sở có tại 31/12/2016

Căn cứ vào số liệu thực tế về số khoa, phòng khám bệnh, phòng chữa bệnh, số giường bệnh tại cơ sở để ghi vào các mục trong phiếu điều tra.

Nếu cơ sở nhỏ không có sự phân chia thành phòng ban, quy ước ghi số 1 vào ô của mục *1.Số phòng ban/chức năng*.

F2. Số lượt người được khám, chữa bệnh trong năm 2016.

Căn cứ vào kết quả số lượt người được khám, chữa bệnh và điều trị tại cơ sở trong năm 2016 để ghi vào các mục tương ứng cho phù hợp.

1. Số lượt người được khám bệnh: ghi tổng số lượt người được khám bệnh (kể cả những trường hợp chỉ xét nghiệm hoặc chuẩn đoán hình ảnh...) trong năm cũng được coi là một lượt khám bệnh.

2. Số lượt bệnh nhân được nằm điều trị nội trú: ghi tổng số lượt bệnh nhân được nằm điều trị nội trú trong năm.